

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/DS-PT
Ngày 19 – 01 – 2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 527/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 364/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 341/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Trịnh Hồng C1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp của bà Trịnh Hồng C1: Ông Cao Quốc T1, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Số 231- Phan Bội Châu, khóm 5, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 7 năm 2022, có mặt)

- Bị đơn:

Ông Võ Văn C2, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn C2: Ông Dương Việt Kh, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 12 năm 2023, có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Minh L3, sinh năm 1997 (vắng mặt).
2. Ông Võ Thái L2, sinh năm 2000 (vắng mặt).
3. Ông Võ Đại L1, sinh năm 2009 (vắng mặt).
4. Ông Võ Thành D, sinh năm 1993 (vắng mặt).
5. Bà Trần Hồng T2, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Minh Lượng, Thái Lượng, Đại Lượng, Được, Thẩm: Ông Dương Việt Kh, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 12 năm 2023, có mặt).

6. Bà Võ Ngọc V. Sinh năm: 1996 (vắng mặt).
7. Bà Võ Phúc N. Sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khu p, thị t, huyện Đ, tỉnh A

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn C2 là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trịnh Hồng C1 và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Cao Quốc T1 trình bày:*

Chồng bà Trịnh Hồng C1 là ông Võ Tấn Biết (chết năm 2018); cha mẹ chồng là ông Võ Văn Đón (chết năm 1972), bà Lê Thị Đột (chết năm 1971), cha mẹ chồng có 08 người con gồm: Võ Kiên Hùng (Liệt sĩ); Võ Kiên Cường; Võ Thị Mau; Võ Thị Lệ (chết năm 2022); Võ Văn Đức; Võ Tấn Biết (chết năm 2018); Võ Thị Mười; Võ Văn C2.

Ông Đón và bà Đột có tạo được phần đất diện tích 10 công, tọa lạc ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Sau khi ông Đón, bà Đột chết, ông Võ Kiên Cường quản lý canh tác phần đất của cha mẹ và khai phá thêm phần tiếp giáp đất của cha mẹ để nuôi các em.

Đến năm 1984, vợ chồng ông Cường ra ở riêng, nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất của cha mẹ và của ông Cường khai phá; phần còn lại giao cho các ông, bà Đức, Biết, Mười, Chưa. Vì không đủ đất canh tác nên Nhà nước có cấp thêm cho bốn anh em một phần đất khác ở ấp 5, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời.

Khi ông Đức cưới vợ, ông Đức tách ra ở riêng và nhận canh tác phần đất Nhà nước cấp tại ấp 5, xã Khánh Bình Tây Bắc. Phần đất của gia đình do các ông, bà Biết, Mười và Chưa canh tác.

Đến năm 1988, bà C1 và ông Biết kết hôn. Bà C1 về chung sống cùng gia đình chồng, nuôi bà Mười và ông C2. Năm 1990, ông C2 kết hôn.

Phần đất còn lại của gia đình, anh em thống nhất chia cho ông Biết và ông C2 mỗi người $\frac{1}{2}$. Do hoàn cảnh gia đình ông C2 khó khăn nên vợ chồng bà C1 cho ông C2 mượn phần đất mà ông Biết được chia để canh tác. Khi làm giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, ông C2 đăng ký toàn bộ phần đất kể cả đất ông Biết được chia với diện tích 19.590m². Đến năm 2000, ông C2 và ông Biết thống nhất mỗi người cho bà Mười 01 công đất trong phần của mình, tổng cộng bà Mười canh tác 02 công. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình ông C2 đã ổn định nên vợ chồng bà C1 cho vợ chồng ông C2 thuê lại đất canh tác với giá 40 gia lúa/01 năm.

Năm 2018, ông Biết chết; ông C2 thoả thuận lại giá thuê là 20 gia lúa/01 năm. Bà C1 đồng thời yêu cầu ông C2 tách quyền sử dụng cho bà C1 và các con của ông Biết diện tích là 8.795m², nhưng ông C2 không thực hiện. Nay, bà C1 khởi kiện yêu cầu ông C2 trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 8.586,8m², tọa lạc ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phúc N và bà Võ Ngọc V trình bày:

Ông N, bà V là con ruột của ông Biết và bà C1. Phần đất tranh chấp là của cha bà là ông Biết được chia. Năm 2018, ông Biết chết được chôn cất trên phần đất ông Biết được chia. Do có nhu cầu xây dựng lại khu nhà mộ cho ông Biết nên gia đình bà yêu cầu ông C2 tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, hai bà yêu cầu ông C2 trả lại phần đất diện tích 8.795m², tọa lạc ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Hai bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 364/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi của bà Trịnh Hồng C1. Buộc ông Võ Văn C2 và bà Trần Hồng T2 giao trả phần đất diện tích 8.586,8m². Phần đất tọa lạc tại ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Bà Trịnh Hồng C1 được thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/10/2023, ông Võ Văn C2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn C2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận: Nếu xác định phần đất tranh chấp là tài sản chung thì phải chia thừa kế cho các anh em của ông C2. Yêu cầu chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C2. Sửa án sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: Phần đất tranh chấp các anh em của ông C2 đã chia cho ông Biết. Những người thừa kế của ông Biết thống nhất giao cho bà C1 phần đất tranh chấp nên bà C1 yêu cầu bị đơn trả đất là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:
Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 364/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Võ Văn C2, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 8.586,8m² thuộc các thửa 186, 188 tờ bản đồ 5, tọa lạc tại ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc của Cụ Đoán và Cụ Đợt chết để lại. Ông C2 cho rằng, phần đất tranh chấp là do ông C2 được cho; còn bà C1 trình bày, phần đất này vợ chồng bà C1 cho ông C2 thuê. Trình bày của các đương sự là không có chứng cứ chứng minh.

[2] Tại Biên bản họp gia đình ngày 07 tháng 5 năm 2020 (Bút lục số 67) có ông Cường, ông C2, bà Mau, bà C1 tham gia có ký tên thống nhất nội dung: Phần đất của ông Đón, bà Đợt để lại có diện tích 19.950m² chia cho ông Biết và ông C2 mỗi người được ½ với diện tích 9.795m². Tuy nhiên, ông Biết cắt cho ông C2 1.000m², ông Biết còn lại diện tích 8.795m². Hơn nữa, tại Biên bản tặng cho đất ngày 24 tháng 6 năm 2022 có nội dung: Ông C2 cho cháu là Võ Phúc N và Võ Ngọc V phần đất mặt tiền ngang 14m, dài 75m, từ mí ruộng ngang 15m, dài 454m tiếp giáp kinh 18, có ông C2, bà C1, ông Thắng và người viết biên bản là ông Phạm Văn Vui ký tên (Bút lục số 195). Như vậy, từ Biên bản họp gia đình ngày 07 tháng 5 năm 2020 để phân chia đất cho ông Biết và ông C2 nhưng do ông Biết chết nên ngày 24 tháng 6 năm 2022, ông C2 đã làm giấy cho đất cho con ông Biết là ông Võ Phúc N và bà Võ Ngọc V.

[3] Tại Biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc ngày 12 tháng 10 năm 2022, ông Võ Văn C2 trình bày: Nguồn gốc đất như ông C1 trình bày. Sau khi cha mẹ chết do anh ruột là ông Võ Kiên Cường quản lý, sử dụng. Khoảng năm 1984, ông Cường giao cho 04 anh em là Đức, Biết, Mười và ông thì ông trực tiếp canh tác, khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì 03 anh chị em ông để đất cho ông đứng tên, ông sử dụng ổn định đến nay. Thời gian ông Biết chồng bà C1 bị bệnh nên ông C2 có cho lúa ông Biết ăn vài năm (Bút lục số 15). Tại Tờ tường thuật được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời ngày 24 tháng 11 năm 2022, ông Võ Kiên Cường trình bày: Anh em có họp thống nhất chia phần đất còn lại của gia đình cho ông Võ Tấn Biết và Võ Văn C2 mỗi người ½ phần đất. Năm 1991, vợ chồng ông Biết cho vợ chồng ông C2 mượn đất canh tác. Năm 2005, vợ chồng ông Biết cho vợ chồng ông C2 thuê 40 gia lúa/năm. Năm 2019, bà C1 cho thuê 20 gia lúa/năm. Năm 2021, có họp gia đình có sự chứng kiến của ông và con ông là Võ Quyết Thắng, ông C2 đồng ý ký tên chia đất cho bà C1 và hai cháu là Võ Phúc N và Võ Ngọc V (Bút lục số 68). Điều này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn

là sau năm 2000 có cho ông C2 thuê đất giá 40 gia lúa/năm. Năm 2018, khi ông Biết chết thì ông C2 thỏa thuận lại giá thuê 20 gia/năm nhưng ông C2 không thực hiện. Như vậy, phần đất tranh chấp đã được anh em thống nhất cho ông Biết từ trước năm 1991. Ông Biết đã cho vợ chồng ông C2 thuê đất canh tác là có căn cứ. Đó đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C1. Buộc ông C2 trả lại đất đã thuê là đúng quy định pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 364/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn C2 phải chịu án phí 300.000 đồng. Ngày 19 tháng 10 năm 2023, ông Võ Văn C2 có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai số 0004874 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 364/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi của bà Trịnh Hồng C1. Buộc ông Võ Văn C2 và bà Trần Hồng T2 giao trả phần đất diện tích 8.586,8m². Phần đất tọa lạc tại ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Thể hiện vị trí thửa số 1 + thửa số 2 của Bản vẽ hiện trạng ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Công ty TNHH Tài nguyên Môi trường Dâng Phong).

Bà Trịnh Hồng C1 liên hệ cơ quan có thẩm quyền cấp giấy để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Văn C2, bà Trần Hồng T2 phải hoàn lại cho bà Trịnh Hồng C1 số tiền 25.774.000 đồng.

Đối với khoản tiền nêu trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành xong thì còn phải chịu thêm

khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Hồng C1 không phải chịu án phí. Bà C1 có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0005843 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được nhận lại. Ông Võ Văn C2, bà Trần Hồng T2 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, chưa nộp.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn C2 phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng. Ngày 19 tháng 10 năm 2023, ông Võ Văn C2 có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai số 0004874 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung